TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số**:** 36/2018/DS-ST**.**
Ngày**:** 17-7-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố QSD đất vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**

- *Các Hội thẩm nhân dân*

1/ Ông **Ngô Thành Long**

2/ Ông **Nguyễn Văn Lạc**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Đặng Thị Vàng** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa***: Ông **Trương Minh Diền**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2017/TLST – DS ngày 01/12/2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất vô hiệu. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST – DS ngày 06/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Z

Địa chỉ:, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: ông Đỗ A, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Quách T, chức vụ: Giám đốc ngân hàng Z – Chi nhánh ST

Đại diện tham gia tố tụng: chị Kha P, sinh năm 1990 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: phường C, thành phố ST, Sóc Trăng.

Bị đơn: ông Danh C, sinh năm 1971 và bà Danh Ch, sinh năm 1971 (Cùng vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ ấp VT, xã VQ, thị xã NN, Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Danh H**, sinh năm 1982 (Có mặt)

2/ Bà **Danh A**, sinh năm 1983 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp VT, xã VQ, thị xã NN, Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 27/5/2016 ông Danh C và bà Danh Ch ký hợp đồng tín dụng số SOC.CN. 604.240516 để vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng (từ ngày 31/5/2016 đến ngày 31/5/2026), mục đích vay tiêu dùng và mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Lãi suất vay 12%/năm, lãi suất vay được số định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng tiền vay lần đầu, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần và không thấp hơn lãi suất cho vay dài hạn tối thiểu trong từng thời kỳ theo quy định của ngân hàng Z, từ khi vay đến ngày 19/9/2016 ông C chỉ đóng lãi cho ngân hàng được 01 lần với số tiền 6.191.601đồng rồi ngưng luôn như vậy là ông C và bà Ch vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó ngày 31/7/2017 ngân hàng Z đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 31/8/2017 ngân hàng Z đã chuyển số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 13/7/2018 ông C, bà Ch còn nợ ngân hàng Z các khoản nợ sau: vốn gốc 200.000.000đồng; lãi trong hạn 23.617.778đồng; lãi quá hạn 29.756.667đồng; lãi phạt chậm trả 1.086.300đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng nêu trên, ông C và bà Ch đã thế chấp các bất động sản dưới đây cho ngân hàng Z theo hợp đồng thế chấp số SOC.BĐCN.290.240516, hợp đồng đã được công chứng ngày 27/5/2016. Cụ thể: Thửa đất số 601 tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc ấp VT, xã VQ, huyện NN (nay là thị xã NN), tỉnh Sóc Trăng do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ngân hàng yêu cầu ông C và bà Ch trả cho ngân hàng Z tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 13/7/2018 là 254.460.774đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, nếu ông C, bà Ch không thực hiện đúng nghĩa vụ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông C và bà Ch vắng mặt không có ý kiến trình bày.

*** Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Danh H trình bày như sau:**

Vào ngày 09/12/2012 vợ chồng ông có cố của ông Danh C 03 công đất tầm cấy với số tiền 60.000.000đồng, thời hạn cố là 03 năm, có làm giấy cố đất. Đợt hai vào tháng 8/2013 vợ chồng ông có cố tiếp của ông C 04 công tầm cấy

với số tiền 80.000.00đồng, thời hạn cố là 03 năm, hai đợt cầm cố đều có làm giấy viết tay do ông C ký và vợ chồng ông C đều nhận tiền cố đất từ ông. Nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ngân hàng Z và ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông C nên ông yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố giữa vợ chồng ông và ông C là vô hiệu, ông C trả lại tiền cho vợ chồng ông, vợ chồng ông trả đất lại cho ông C 07 công tầm cấy thửa số 601, tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp VT, xã VQ, thị xã NN, Sóc Trăng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, do ông H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Đề nghị bổ sung thêm quan hệ pháp luật tranh chấp là yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất vô hiệu.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông anh C và bà Danh Ch đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa cũng không có yêu cầu xử vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy hợp đồng tín dụng các bên đã được ký kết và phía ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay. Theo hợp đồng đã ký các bên cũng có thỏa thuận việc trả lãi nhưng phía bị đơn đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận như vậy là bên vay đã vi phạm quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Mặt khác theo thỏa thuận để đảm bảo cho khoản vay thì bên bị đơn có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp có thỏa thuận ngân hàng Z có quyền xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp khi nghĩa vụ đến hạn mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, đủ nghĩa vụ, cho nên yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ. Đối với yêu cầu độc lập của ông Danh H thấy rằng năm 2012 – 2013 ông H có cố đất của ông C và bà Ch, ông có xuất trình hai tờ giấy cố đất trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo nội dung yêu cầu của ông H cho bị đơn nhưng phía bị đơn không có ý kiến, tuy nhiên việc cố đất giữa ông H và ông C là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Bởi lẻ Điều 167 Luật đất đai năm 2013 không có quy định người sử dụng đất được quyền cầm cố đất cho nên việc ông H yêu cầu tuyên bố 02 hợp đồng cầm cố vô hiệu là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 299, Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 167 Luật đất đai năm

2013, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông C, bà Ch trả nợ vay cho ngân hàng, trong trường hợp ông C, bà Ch không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã thế chấp với ngân hàng. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Danh H tuyên bố 02 hợp cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông H và ông C, bà Ch là vô hiệu. Buộc vợ chồng ông C trả lại tiền cho vợ chồng ông H và vợ chồng ông H trả đất lại cho vợ chồng ông C diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 15/01/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút lại yêu cầu độc lập; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Danh C và bà Danh Ch đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo ý kiến của các đương sự có mặt và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà Ch nên Hội đồng xét xử cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Z thấy rằng vào ngày 27/5/2016 ngân hàng Z và ông Danh C, bà Danh Ch có ký kết hợp đồng vay vốn thời hạn vay là 120 tháng, mục đích vay tiêu dùng và mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Lãi suất vay 12%/năm, lãi suất vay được ấn định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng tiền vay lần đầu, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần và không thấp hơn lãi suất cho vay dài hạn tối thiểu trong từng thời kỳ theo quy định của ngân hàng Z, ngày 31/5/2016 phía ngân hàng đã giải ngân cho ông C nhận số tiền 200.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông C, bà Ch đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận là ngay kỳ đầu tiên đã đóng lãi chậm so với thỏa thuận, tính là từ khi nhận tiền vay đến ngày 19/9/2016 ông C chỉ đóng lãi cho ngân hàng được một lần với số tiền 6.191.601đồng thì ngưng như vậy là ông C và bà Ch đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì vậy ngày 31/7/2017 phía ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn cho phía ông C nhưng ông C cũng không có ý kiến, cũng không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận với ngân hàng cho nên phía ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà Ch trả nợ theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc ông Danh C và bà Danh Ch có trách nhiệm trả cho ngân hàng Z số tiền vốn vay 200.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 23.617.778đồng; lãi quá hạn 29.756.667đồng; lãi phạt chậm trả vốn 566.500đồng; lãi phạt chậm trả lãi 519.800đồng. Trong đó, tiền lãi trong hạn từ ngày 31/8/2016 đến ngày

28/02/2017 là 12.066.667đồng (200.000.000đồng x 12%/năm x 181 ngày = 12.066.667đồng); tiền lãi trong hạn từ ngày 28/02/2017 đến ngày 31/8/2017 là 11.551.112đồng (200.000.000đồng x 11%/năm x 184 ngày = 11.551.112đồng); lãi quá hạn từ ngày 31/8/2017 đến ngày 13/7/2018 là 29.756.667đồng (200.000.000đồng x 16,95%/năm x 316 ngày = 29.756.667đồng; lãi phạt chậm trả vốn từ ngày 10/12/2016 đến ngày 28/02/2017 là 133.333đồng (10.000.000đồng x 6%/năm x 80 ngày = 133.333đồng); lãi phạt chậm trả vốn từ 28/02/2017 đến 31/8/2017 là 288.778đồng (10.000.000đồng x 5.65%/năm x 184 ngày = 288.778đồng); lãi phạt chậm trả vốn từ ngày 31/5/2017 đến ngày 31/8/2017 là 144.389đồng (10.000.000đồng x 5.65%/năm x 92 ngày = 144.389đồng); lãi phạt chậm trả lãi từ ngày 28/02/2017 đến 31/8/2017 là 519.800đồng (6.000.000đồng dư nợ x 16.95%/năm x 184 ngày = 519.800đồng). Tổng số tiền gốc và lãi ông C, bà Ch phải trả cho ngân hàng là 254.460.744đồng. Kể từ ngày 14/7/2018 ông C, bà Ch còn phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất theo hợp đồng đã ký kết với ngân hàng.

[3] Bên cạnh đó để đảm bảo cho khoản vay của mình thì ông C và bà Ch có thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 601 tở bản đồ số 2 tọa lạc ấp VT, xã VQ, thị xã NN do ông C đứng tên quyền sử dụng đất việc này được thể hiện bằng hợp đồng thế chấp ngày 27/5/2016 và tại Điều 8 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất trên có thể hiện các bên có thỏa thuận việc ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, do phía ông C đã vi phạm nghĩa vụ vay đối với ngân hàng, cho nên tại phiên tòa hôm nay phía ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông C, bà Ch không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là theo hợp đồng thế chấp đã ký kết là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 nghĩ nên chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu độc lập của ông Danh H thấy rằng năm 2012 – 2013 ông H có cố đất của ông C và bà Ch là có xảy ra trên thực tế, ông H có xuất trình hai tờ giấy cố đất và hiện nay phần đất này vợ chồng ông H đang canh tác. Tuy nhiên, Luật đất đai không cho phép người sử dụng đất được quyền cầm cố quyền sử dụng đất cho nên việc cố đất giữa ông H và ông C là không phù hợp với quy định pháp luật, vô hiệu ngay từ thời điểm xác lập. Vì vậy ông H yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố đất giữa ông và ông C vô hiệu là có căn cứ, nghĩ nên căn cứ Điều 167 Luật đất đai năm 2013 tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Danh H và vợ chồng ông Danh C, bà Danh Ch vô hiệu.

Đối với lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm có cơ sở chấp nhận theo như phân tích ở trên.

[5] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mục II danh mục mức án phí, lệ phí. Theo đó, số tiền án

phí đối với phần nghĩa vụ của ngân hàng là 254.460.744đồng x 5% = 12.723.037đồng (làm tròn số là 12.723.000đồng); án phí đối với phần yêu cầu độc lập là 300.000đồng.

[6] Về chi phí thẩm định: ông C, bà Ch phải chịu là 550.000đồng do ngân hàng Z đã nộp tạm ứng nên ông C, bà Ch có trách nhiệm trả lại số tiền chi phí này cho Ngân hàng Z chi nhánh ST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 122, 131, 299, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

*** <u>Tuyên xử</u>:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Z khởi kiện yêu cầu ông Danh C và bà Danh Ch trả tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng Z – Chi nhánh ST.

[2] Buộc ông Danh C và bà Danh Ch trả cho Ngân hàng Z (do ngân hàng Z chi nhánh ST đại diện nhận) số tiền gốc 200.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/7/2018 là 54.460.744đồng . Tổng cộng là 254.460.744đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 14/7/2018 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Danh C và bà Danh Ch không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng Z – do chi nhánh ST làm đại diện có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể:

Quyền sử dụng thửa đất số 601, tờ bản đồ 2, tọa lạc ấp VT, xã VQ, thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng do ông Danh C đứng tên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 093506 ngày 05/3/2015, theo hợp đồng thế chấp SOC.BĐCN.290.240516 ngày 27/5/2016.

[3] Chấp nhận yêu cầu của ông Danh H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông H và ông C vô hiệu. Tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông H và ông C xác lập năm 2012, 2013 là vô hiệu.

[4] Buộc ông Danh C và bà Danh Ch cùng có trách nhiệm trả cho ông Danh H và bà Danh A số tiền 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông H, bà A có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông C, bà Ch còn phải trả lãi cho ông H, bà A theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

[5] Buộc ông Danh H, bà Danh A trả cho ông Danh C và bà Danh Ch phần đất tại thửa 601, tờ bản đồ số 2 tọa lạc ấp VT, xã VQ, thị xã NN do ông Danh C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông T và ông S có số đo: 117,2m

- Hướng Tây giáp đất ông Danh G có số đo: 171,6m.

- Hướng Nam giáp đất ông T có số đo: 68,7m.

- Hướng Bắc giáp đất ông S có số đo: 91,3m.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 15/01/2018)

[6] Về án phí sơ thẩm:

- Ông Danh C và bà Danh Ch cùng chịu án phí là 13.023.000đồng.

- Ngân hàng Z chi nhánh ST được trả lại tiền tạm ứng án phí 5.667.000 đồng theo biên lai thu số 0008136 ngày 01/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

- Ông Danh H được trả lại tiền tạm ứng án phí 300.000đồngtheo biên lai thu số 0001314 ngày 22/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Về chi phí thẩm định: ông C, bà Ch phải chịu là 550.000đồng do ngân hàng Z đã nộp tạm ứng nên ông C, bà Ch có trách nhiệm trả lại số tiền chi phí này cho Ngân hàng Z chi nhánh ST.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh